

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA

TIẾNG VIỆT 3

BỘ SÁCH CÁNH DIỀU

HÀ NỘI – 2022

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Quan điểm tiếp cận của SGK Tiếng Việt 3

SGK *Tiếng Việt 3* trong bộ SGK Cánh Diều (sau đây gọi là SGK *Tiếng Việt 3*) thể hiện Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018 với quan điểm tiếp cận như sau:

1.1. Tiếp cận mục tiêu

Tiếp cận mục tiêu là lấy mục tiêu giáo dục của Chương trình GDPT làm căn cứ để lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và hoạt động học tập của HS; cụ thể là:

- Lấy việc rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) làm trục phát triển của cuốn sách để phục vụ mục tiêu phát triển các năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và văn học).
- Thống nhất nội dung rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ trong mỗi bài học theo chủ đề, chủ điểm để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng sống và các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Tích cực hóa hoạt động học tập của người học để HS phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực một cách vững chắc.

1.2. Tiếp cận đối tượng

Tiếp cận đối tượng là lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và các hoạt động học tập cho phù hợp với tâm sinh lý và trình độ nhận thức của HS; cụ thể là:

- HS là người nói tiếng Việt, do đó, nhiệm vụ trọng tâm của môn Tiếng Việt hình thành và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe ở mức độ cao hơn (từ giao tiếp thông thường đến giao tiếp văn hóa).
- HS còn nhỏ tuổi, do đó SGK *Tiếng Việt 3* rất chú ý đến tính vừa sức và tâm lý lứa tuổi. VD: Cũng như SGK lớp 2, *Tiếng Việt 3* chưa tổ chức các tiết học *Luyện từ và câu* riêng mà dạy kiến thức qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tăng cường các trò chơi học tập, chú trọng kênh hình (nhiều tranh ảnh, sơ đồ, màu sắc,...). Tuy nhiên, lớp 3 là giai đoạn HS chuyển từ tuổi nhi đồng sang tuổi thiếu niên, bắt đầu tham gia một tổ chức chính trị xã hội là Đội TNTP Hồ Chí Minh, nhận thức đã cao hơn, cho nên nội dung các bài đọc, bài kể chuyện cao hơn lớp 2, các câu hỏi, bài tập cũng đòi hỏi suy luận nhiều hơn.

– HS là đối tượng rất đa dạng, do đó SGK *Tiếng Việt 3* thiết kế nội dung mở, để thực hiện giáo dục phân hóa, nhằm đáp ứng nhiều đối tượng HS và phù hợp với nhiều điều kiện dạy – học khác nhau. VD: sách có nhiều bài tập lựa chọn trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe để GV và HS chọn theo đặc điểm, điều kiện của mỗi lớp và khả năng, sở thích của mỗi HS; có “phần mềm” khoảng 50 tiết (*Trao đổi* về các câu chuyện, bài thơ, bài báo đã đọc ở nhà, *Góc sáng tạo*, *Ôn tập*) để GV linh hoạt sử dụng thời gian dạy học.

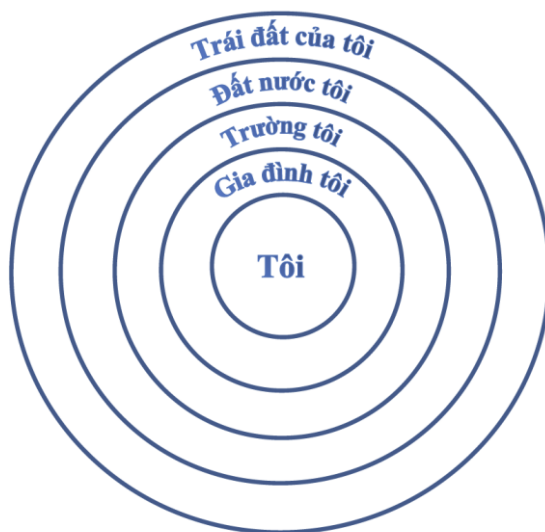
2. Cấu trúc của sách và của các bài học trong SGK *Tiếng Việt 3*

2.1. Cấu trúc của sách

Bộ SGK Tiếng Việt tiểu học được thiết kế theo mô hình tích hợp, lấy hệ thống chủ đề – chủ điểm làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe), các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu cho HS.

Chủ đề (topic) được hiểu là những đề tài lớn, có tính khái quát cao, lặp lại ở tất cả các lớp. Còn chủ điểm (theme) là những đề tài nhánh, cụ thể hóa chủ đề, được lựa chọn và sắp xếp ở các lớp phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lý của học sinh mỗi lớp. Ở mỗi lớp, mỗi chủ đề được triển khai thành một cụm bài (unit); mỗi chủ điểm được triển khai thành một số bài học (lesson).

Theo quan điểm lấy học sinh làm nhân vật trung tâm, các chủ đề của bộ SGK Tiếng Việt tiểu học bắt đầu từ nhân vật HỌC SINH (TÔI) và phát triển theo mối quan hệ giữa nhân vật trung tâm ấy với môi trường xung quanh:



Để SGK gần gũi, thân thiện, phù hợp với nhận thức của HS lớp 3, các chủ đề, chủ điểm và bài học trong SGK *Tiếng Việt 3* được bố trí cụ thể như sau:

Chủ đề	Chủ điểm – Bài học	
MĂNG NON	Bài 1. Chào năm học mới	Bài 2. Em đã lớn
	Bài 3. Niềm vui của em	Bài 4. Mái ấm gia đình
	Bài 5. Ôn tập giữa học kì I	
CỘNG ĐỒNG	Bài 6. Yêu thương, chia sẻ	Bài 7. Khó ọc và bàn tay
	Bài 8. Rèn luyện thân thể	Bài 9. Sáng tạo nghệ thuật
Bài 10. Ôn tập cuối học kì I		
ĐẤT NƯỚC	Bài 11. Cảnh đẹp non sông	Bài 12. Đồng quê yêu dấu
	Bài 13. Cuộc sống đô thị	Bài 14. Anh em một nhà
	Bài 15. Ôn tập giữa học kì II	Bài 16. Bảo vệ Tổ quốc
NGÔI NHÀ CHUNG	Bài 17. Trái Đất của em	Bài 18. Bạn bè bốn phương
Bài 19. Ôn tập cuối năm		

3. Cấu trúc và thời lượng thực hiện bài học

SGK *Tiếng Việt 3* có 15 bài học chính và 4 bài ôn tập (giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối năm học). Mỗi bài học chính ứng với một chủ điểm, được học trong 2 tuần (14 tiết), trừ Bài 18 được học trong 3 tuần. Bài học chính được thiết kế theo các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, với thời lượng cụ thể như sau:

TUẦN THỨ 1 CỦA BÀI HỌC		TUẦN THỨ 2 CỦA BÀI HỌC	
– Bài đọc 1	2 tiết	– Bài đọc 3	2 tiết
– Bài viết 1 (Tập viết)	1 tiết	– Bài viết 3 (Chính tả)	1 tiết
– Nói và nghe	1 tiết	– Nói và nghe	1 tiết
– Bài đọc 2	2 tiết	– Bài đọc 4	2 tiết
– Bài viết 2 (Tập làm văn)	1 tiết	– Góc sáng tạo (Bài viết 4)	1 tiết

4. Hoạt động của HS ở mỗi bài học

Bài học trong SGK *Tiếng Việt 3* được thiết kế theo mô hình hoạt động. Mỗi bài học gồm 5 loại hoạt động: Khởi động, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng và Tự đánh giá (thực hiện ở nhà). Tuy nhiên, một bài học gồm nhiều nội dung: Đọc, Viết chính tả, Tập viết,

Tập làm văn, Nói và nghe, Góc sáng tạo. Không nhất thiết là việc thực hiện mỗi nội dung này đều phải bao gồm đủ 4 loại hoạt động. Mặt khác, trong một bài học cũng như trong mỗi nội dung học tập, các loại hoạt động có thể xen kẽ nhau, chứ không nhất thiết chỉ theo một thứ tự nhất định.

Có thể hình dung như sau:

(1) Khởi động (*Chia sẻ*): Nội dung của loại hoạt động này là tổ chức cho HS thực hiện một số hoạt động hoặc chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học. SGK chỉ hướng dẫn hoạt động Chia sẻ về chủ điểm ở tiết học mở đầu mỗi bài học. GV nên coi đây là gợi ý tham khảo và có thể tổ chức khởi động theo cách khác, miễn là hoạt động đó giúp HS chia sẻ những điều đã trải nghiệm liên quan đến bài học để chuẩn bị cho bài học. Đồng thời, đối với mỗi nội dung Đọc, Viết, Nói và nghe trong bài học, GV cũng có thể bắt đầu bằng cách tổ chức một hoạt động khởi động phù hợp.

(2) Khám phá: Loại hoạt động này đặt HS trước yêu cầu xử lý tình huống (tình huống mới hoặc tình huống đã gặp với nhiệm vụ mới) để giúp các em có những hiểu biết và kinh nghiệm mới. Một bài học không phải chỉ có một hoạt động khám phá mà mỗi nội dung Đọc, Viết, Nói và nghe trong bài học đều có thể có những bài tập giúp HS khám phá kiến thức mới. VD: tiếp xúc với mỗi bài đọc, HS đều được hướng dẫn đọc hiểu bằng các câu hỏi; ở mỗi tiết tập viết, HS đều được hướng dẫn để biết cách viết một chữ hoa; đó đều là các hoạt động khám phá.

(3) Luyện tập: Loại hoạt động này đặt HS vào những tình huống và nhiệm vụ tương tự tình huống, nhiệm vụ mới học để giúp các em củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành. Trong các bài đọc, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các bài tập ở mục *Luyện tập* sau mỗi văn bản đọc hiểu và luyện tập thông qua các tiết *Tự đọc sách báo*. Trong các bài viết, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các bài tập viết đoạn văn. Trong các bài nói và nghe, HS được hướng dẫn luyện tập thông qua các bài tập kể chuyện, thảo luận.

(4) Vận dụng: Mục đích của loại hoạt động này là ứng dụng những điều đã học để nhận thức, phát hiện và giải quyết những tình huống có thực trong đời sống. Trong tất cả các bài đọc, viết, nói và nghe đều có những câu hỏi giúp HS liên hệ với bản thân và cuộc sống. Cuối mỗi chủ điểm học tập, sách *Tiếng Việt 3* đều tổ chức một hoạt động gọi

là *Góc sáng tạo*. Đó là hoạt động khơi dậy tiềm năng sáng tạo và giúp HS vận dụng toàn bộ những điều đã học trong chủ điểm vào cuộc sống.

(5) Tự đánh giá: Cuối mỗi chủ điểm học tập, sách *Tiếng Việt 3* có một bảng tổng kết giúp HS tự đánh giá những điều đã biết, những việc đã làm được trong chủ điểm đó. GV hướng dẫn HS tự đọc và đánh dấu vào bảng tổng kết (in trong vở bài tập để HS không viết vào SGK). GV có thể dựa vào bảng tổng kết này để ra bài tập đánh giá HS. Cha mẹ HS cũng có thể dựa vào bảng tổng kết này để biết yêu cầu của mỗi chủ điểm học tập, qua đó đánh giá xem con đạt được ở mức nào.

Nói tóm lại, mỗi bài học đều bắt đầu từ kinh nghiệm sống đã có của HS, hướng dẫn HS tích lũy kinh nghiệm mới rồi đem những kinh nghiệm mới ấy ứng dụng vào đời sống. Quy trình này phù hợp với đặc điểm của năng lực là gắn với yêu cầu giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và cũng phù hợp với quy luật nhận thức mà V.I. Lê-nin đã tổng kết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lí, của sự nhận thức thực tại khách quan”¹.

¹ Dẫn theo *Từ điển triết học*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1989, trang 179.

Phần thứ hai

CÁC KIỂU BÀI HỌC VÀ CÁCH DẠY

I. BÀI ĐỌC

A. TỔNG QUAN

1. Thời lượng

a) Bài đọc chính: mỗi tuần có 2 bài đọc, mỗi bài đọc dạy trong 2 tiết (gọi là *Bài đọc 1*, *Bài đọc 2*, *Bài đọc 3*, *Bài đọc 4*).

b) Tự đọc sách báo: HS thực hiện ở nhà.

2. Mục tiêu

a) Bài đọc chính: Rèn luyện kỹ năng đọc, trang bị kiến thức về văn học, tiếng Việt, kiến thức và một số kỹ năng sống (củng cố hiểu biết về bản thân và gia đình; mở rộng hiểu biết về cộng đồng xã hội và đất nước; bước đầu làm quen với một số nền văn hoá trong khu vực và một số vấn đề chung của thế giới như bảo vệ môi trường, hoà bình, hợp tác, hữu nghị).

b) Tự đọc sách báo: Rèn luyện kỹ năng đọc, trang bị kiến thức về văn học, tiếng Việt, kiến thức và một số kỹ năng sống.

3. Cấu trúc

3.1. Bài đọc chính

a) Tên bài đọc: Tên gốc của văn bản đọc (VD: *Ngày khai trường* là tên gốc bài thơ của Nguyễn Bội Vội) hoặc tên trích đoạn do tác giả SGK đặt (VD: *Nhớ Việt Bắc* là tên trích đoạn bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu).

b) Các hoạt động

- Đọc thành tiếng: Đọc thành tiếng câu văn, đoạn văn và toàn bộ văn bản.
- Đọc hiểu: trả lời các CH đọc hiểu (3 – 4 câu).
- Luyện tập: làm BT (2 – 3 BT) để hiểu rõ hơn bài đọc và hình thành kiến thức, kỹ năng về tiếng Việt và văn học.

3.2. Tự đọc sách báo

a) Tên hoạt động: Tự đọc sách báo.

b) Các hoạt động

– HS tự đọc sách báo về chủ điểm đang học và ghi chép thông tin đơn giản về văn bản đọc theo yêu cầu của SGK và GV.

– HS kể lại (hoặc đọc lại) và trao đổi ý kiến về văn bản đã đọc ở nhà trong một số tiết *Nói và Nghe* theo yêu cầu trong SGK.

4. Quy trình dạy bài đọc chính

4.1. Khởi động và giới thiệu bài

– Đối với các bài đọc mở đầu một chủ điểm, GV tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ nêu ở phần *Chia sẻ* bằng các biện pháp dạy học khác nhau.

– Đối với các bài đọc khác, GV có thể gắn / chiếu lên bảng / màn hình tranh ảnh minh họa/video; giới thiệu tên bài đọc. Sau đó, mời HS nói tên những sự vật trong tranh ảnh; đoán nội dung câu chuyện, bài thơ, bài văn.

– GV giới thiệu bài đọc, tạo hứng thú cho HS.

4.2. Hướng dẫn đọc thành tiếng

– GV đọc mẫu 1 lượt.

– GV tổ chức cho HS (cá nhân, bàn, tổ) đọc thành tiếng các đoạn văn, khổ thơ; cả lớp đọc đồng thanh toàn bài. Ở mỗi bài, GV có thể rèn luyện cho HS cách đọc một số câu dài (hướng dẫn nghỉ hơi theo dấu câu và theo nghĩa, nhấn giọng ở một số từ ngữ – tức là đọc từ ngữ đó kéo dài hơn bình thường, không phải là đọc cao giọng từ ngữ đó).

– GV đọc mẫu thêm 1 lượt (Có thể mời 1, 2 HS khá, giỏi đọc).

4.3. Hướng dẫn đọc hiểu

– GV tổ chức cho HS trả lời các CH đọc hiểu bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (làm việc độc lập; thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép, khăn trải bàn,...).

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (vấn đáp, phỏng vấn, khăn trải bàn, ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

4.4. Hướng dẫn luyện tập

– GV tổ chức cho HS làm các bài luyện tập bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (làm việc độc lập; thảo luận nhóm theo kĩ thuật mảnh ghép, khăn trải bàn,...).

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (vấn đáp, phỏng vấn, khăn trải bàn, ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

4.5. Củng cố, dặn dò

– GV tổ chức cho HS đọc lại toàn bài bằng nhiều biện pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau (ô cửa bí mật, thi tiếp sức, truyền điện,...).

– GV nhận xét về 2 tiết học, khen ngợi HS, dặn dò những điều cần thiết.

5. Hướng dẫn tự đọc sách báo

– GV giao nhiệm vụ cho HS tự đọc sách báo ở nhà theo quy định của Chương trình môn *Ngữ văn*; đề tài văn bản đọc phù hợp với chủ điểm đang học. Để dễ tìm bài đọc theo đúng chủ điểm, HS nên sử dụng quyển *Truyện đọc lớp 3* (Cánh Diều – NXB ĐHSP TP HCM).

– GV thường xuyên kiểm tra hoạt động tự đọc sách báo của HS qua phiếu đọc sách. Mẫu phiếu đọc sách do GV hoặc nhà trường quy định, gồm các thông tin chính như sau:

- + Tên trường lớp, tên học sinh
 - + Tên bài đọc, tác giả, VD đọc truyện theo chủ điểm *Niềm vui của em: Chú Đất Nung* (Nguyễn Kiên)
 - + Nhân vật: cu Chắt, chú Đất Nung, hai người bột, chuột, ông Hòn Rằm.
 - + Câu văn em thích: *Đã là người thì phải dám xông pha, làm được nhiều việc có ích.*
 - + Cảm nghĩ của em: Em thích câu chuyện này vì nội dung câu chuyện rất hấp dẫn, khen ngợi chú Đất Nung dũng cảm.
- HS báo cáo kết quả tự đọc sách báo trong các tiết. Trao đổi về các câu chuyện, bài thơ, bài văn đã đọc ở nhà.

II. BÀI VIẾT

1. Thời lượng:

a) Bài viết chính: tuần chẵn có 2 bài viết chính, tuần lẻ có 1 bài viết chính, mỗi bài viết 1 tiết (gọi là *Bài viết 1, Bài viết 2, Bài viết 3*).

b) Góc sáng tạo: 1 tiết/hoạt động/tuần thứ 2 của một bài học (một chủ điểm).

2. Mục tiêu:

a) Bài viết chính: Rèn luyện kỹ năng viết chữ, viết chính tả, đoạn văn và văn bản ngắn.

b) Góc sáng tạo: Rèn luyện tư duy sáng tạo và kỹ năng vận dụng những điều đã học vào thực tế dưới hình thức viết, vẽ, sưu tầm tài liệu và trưng bày sản phẩm.

3. Cấu trúc

3.1. Bài viết chính

a) Tên bài viết: nội dung tập viết (VD: *Ôn các chữ B, C*), chính tả (VD: Nghe – viết bài thơ *Bé út của nhà* của Nguyễn Khắc Hào) hoặc tập làm văn (VD: *Viết thư thăm bạn*).

b) Các hoạt động

– Tập viết: Viết tên riêng và câu ứng dụng có chữ hoa cần ôn tập.

– Viết chính tả:
+ Ôn tập bảng chữ cái: viết chữ và tên chữ, trọng tâm là những chữ được ghép từ 2, 3 chữ cái và thứ tự của chúng trong bảng chữ cái (để chuẩn bị cho việc tra từ điển ở lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu của CT GDPT mới).

+ Chính tả đoạn, bài: nghe – viết, nhớ – viết một đoạn văn, một đoạn thơ.

+ Chính tả âm, vần: tìm chữ (ghi một số phụ âm đầu, phụ âm cuối dễ lẫn) hoặc dấu thanh phù hợp với chỗ trống để viết đúng các vần khó hoặc khắc phục lỗi chính tả do đặc điểm phát âm của địa phương. BT về vần (để khắc phục lỗi chính tả do đặc điểm phát âm của địa phương) trong SGK *Tiếng Việt 3* phân biệt các vần theo cặp phụ âm cuối (VD: *n/ng*, *c/t*), chứ không phân biệt từng vần cụ thể như ở lớp 2 (VD: *ang/an*, *ac/at*, *ăng/ăn*, *ăc/ăt*, *âng/ân*, *âc/ăt*, ...). Giải pháp này vừa giúp HS khái quát được các hiện tượng dễ lẫn cần chú ý, vừa phù hợp với thời lượng học môn *Tiếng Việt* ở lớp 3: chỉ có 7 tiết/tuần, không phải là 10 tiết/tuần như ở lớp 2.

– Tập làm văn: viết đoạn văn hoặc văn bản ngắn, có thể kèm theo yêu cầu trang trí hoặc gắn tranh tự vẽ, ảnh tự sưu tầm.

3.2. Góc sáng tạo

a) Tên hoạt động: tên đề tài của hoạt động sáng tạo (VD: *Ý tưởng của em*).

b) Các hoạt động

– Tạo lập các văn bản đa phương thức (viết kết hợp vẽ tranh, cắt dán tranh ảnh, làm sản phẩm thủ công).

– Tổ chức trưng bày sản phẩm hoặc thực hiện các hoạt động trải nghiệm khác.

4. Quy trình dạy bài tập viết (Bài viết 1)

4.1. Hướng dẫn viết chữ hoa

– GV cho HS quan sát mẫu chữ, hướng dẫn ôn lại kiến thức đã học từ lớp 2 về đặc điểm, cấu tạo chữ (chủ yếu là về chiều cao, độ rộng; còn về các nét thì GV không cần yêu cầu HS nhắc lại vì nét chữ hoa rất phức tạp).

– HS viết chữ hoa vào bảng con.

4.2 Hướng dẫn viết từ, câu ứng dụng

– GV cho HS đọc từ (tên riêng) hoặc câu ứng dụng; giải nghĩa từ ngữ khó.

– GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:

+ Độ cao của các chữ cái

+ Cách đặt dấu thanh, cách nối nét, cách để khoảng cách giữa các tiếng,...

– HS viết từ (tên riêng), câu ứng dụng vào bảng con.

- HS viết từ (tên riêng), câu ứng dụng vào vở *Luyện viết 3* (hoặc vở ô li).

4.3. Củng cố, dặn dò

GV đánh giá khoảng 5 – 7 bài; nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm, động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

5. Quy trình dạy bài chính tả nghe – viết (trong *Bài viết 3*)

5.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV đọc 1 lượt bài nghe – viết.
- GV hướng dẫn HS hiểu nội dung bài nghe – viết (từ ngữ khó, ý nghĩa của bài,...).
- GV cho HS viết những tiếng dễ viết sai vào bảng con.

5.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

- GV đọc, HS viết; mỗi lần đọc 1 cụm từ 2 lần.
- HS viết bài vào vở *Luyện viết 3* hoặc vở ô li. Viết hoa chữ đầu câu và tên riêng.
- GV đọc chậm 1 lượt, HS soát lại bài, sửa lỗi.

5.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

- GV chiếu một vài bài viết của HS lên màn hình, hướng dẫn HS nhận xét.
- GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

6. Quy trình dạy bài chính tả nhớ – viết (trong *Bài viết 3*)

6.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV đọc mẫu 1 lượt bài chính tả nhớ – viết.
- GV mời HS (cá nhân, cả lớp) đọc thuộc lòng bài chính tả nhớ – viết.
- GV hướng dẫn HS viết những tiếng dễ viết sai vào bảng con.

6.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

- HS viết bài vào vở *Luyện viết 3* hoặc vở ô li. Viết hoa chữ đầu câu và tên riêng.
- GV đọc chậm 1 lượt, HS soát lại bài, sửa lỗi.

6.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

- GV chiếu một vài bài viết của HS lên màn hình, hướng dẫn HS nhận xét.
- GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

7. Quy trình dạy bài tập chính tả âm, vần (trong *Bài viết 3*)

7.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV mời 1, 2 HS đọc BT.
- GV có thể mời 1, 2 HS làm mẫu trước lớp.

7.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

– HS làm bài trong vở *Luyện viết 3*. Vở *Luyện viết 3* đã in sẵn đề bài và có chỗ trống cho HS viết. Trong trường hợp HS không dùng vở *Luyện viết 3* mà dùng vở ô li thông thường thì không cần chép đề bài, chỉ cần viết số thứ tự bài tập và ghi vắn tắt kết quả.

VD, để làm BT 2 Bài 7 (tr. 75 – 76, SGK), HS không cần chép lại câu lệnh mà chỉ cần ghi số TT bài tập và kết quả: 2a: *tiếng kêu, nguều ngoào, mếu máo, thì thào*; 2b: *khuyu tay, ngượng ngịu, ngã khuyu, khúc khuyu*.

– GV theo dõi, hướng dẫn HS.

7.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV hướng dẫn HS chữa BT bằng nhiều hình thức khác nhau, VD: mời một vài HS chữa bài trên bảng lớp (hoặc trên màn hình nếu sử dụng SGK điện tử hoặc phương tiện công nghệ thông tin); tổ chức thi giải BT giữa các nhóm,...

– Sau mỗi lần chữa bài, GV cho lớp nhận xét, đánh giá và nêu nhận xét, đánh giá của GV theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

7.4. Củng cố, dặn dò

Kết thúc *Bài viết 3* (gồm các hoạt động tập viết; nghe – viết / nhớ – viết và làm các BT chính tả âm, vần, GV nêu nhận xét để cả lớp rút kinh nghiệm, động viên kết quả tốt và sự tiến bộ của HS.

8. Quy trình dạy tập làm văn (Bài viết 2)

8.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

– GV mời 1, 2 HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT.

– GV mời 1, 2 HS làm mẫu, nếu cần.

8.2. Tổ chức cho học sinh thực hiện nhiệm vụ

a) Đối với các bài tập làm văn gồm 2 nhiệm vụ đọc và viết

– GV tổ chức cho HS đọc, trả lời CH (nhANH).

– GV tổ chức cho HS viết vào *Vở bài tập Tiếng Việt 3* hoặc vở ô li. Đây là trọng tâm của bài, cần được dành nhiều thời gian.

b) Đối với các bài tập làm văn gồm 2 nhiệm vụ nói và viết

– GV tổ chức cho HS nói theo yêu cầu (nhANH).

– GV tổ chức cho HS viết (trọng tâm của bài, cần dành nhiều thời gian).

8.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV mời một vài HS đọc bài làm.

– GV mời cả lớp nhận xét bài làm của bạn (nên hướng dẫn các em tìm ra những điểm tốt trong bài của bạn).

– GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

9. Quy trình tổ chức hoạt động Góc sáng tạo (Bài viết 4)

9.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

– GV mời 1, 2 HS đọc BT và gợi ý.

– GV mời 1, 2 HS làm mẫu, nếu cần.

9.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm bài (vào *Vở bài tập Tiếng Việt 3* hoặc giấy rời để có thể trưng bày và lưu lại); thực hiện một số hoạt động khác (giới thiệu và bình chọn sản phẩm, biểu diễn tiết mục văn nghệ, đố vui,...)

– GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở lớp và ở nhà.

9.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

– GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng các hình thức trưng bày, giới thiệu, bình chọn sản phẩm phù hợp với mỗi hoạt động sáng tạo.

– GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

III. NÓI VÀ NGHE

1. Thời lượng: mỗi tuần 1 tiết (gọi là *Kể chuyện* hoặc *Trao đổi*).

2. Mục tiêu: Rèn kỹ năng nói và nghe.

3. Cấu trúc

3.1. Tên bài: Tên hoạt động nghe – nói (VD: *Kể chuyện*; *Trao đổi*: *Em đọc sách báo*).

3.2. Các hoạt động

– Nghe và kể lại một mẫu chuyện.

– Kể hoặc phân vai đọc lại câu chuyện đã học ở bài đọc.

– Phân vai thể hiện lại câu chuyện đã học ở bài đọc (diễn kịch).

– Kể hoặc đọc lại câu chuyện (bài thơ, bài văn) đã đọc ở nhà; trao đổi về câu chuyện (bài thơ, bài văn) đó.

– Quan sát và nói theo đề tài.

– Nói theo đề tài cho trước hoặc tự chọn.

4. Quy trình dạy bài nghe – kể

4.1. Khởi động và giới thiệu bài

– Quan sát và phỏng đoán (khai thác kênh hình): GV gắn/chiếu lên bảng/màn hình tranh minh họa/video; giới thiệu tên truyện. Mời HS nói tên các nhân vật trong tranh; đoán nội dung câu chuyện.

– GV giới thiệu câu chuyện, tạo hứng thú cho HS.

4.2. Khám phá và luyện tập

– HS nghe thầy cô kể chuyện/hoặc xem video (3 lần).

+ Lần 1: GV kể không chỉ tranh, HS nghe toàn bộ câu chuyện.

+ Lần 2: GV vừa chỉ tranh vừa kể thật chậm, HS nghe và quan sát tranh.

- + Kể lần 3 (như lần 2) để HS một lần nữa khắc sâu nội dung câu chuyện.
- HS trả lời CH theo tranh hoặc theo gợi ý.
- + Ở lớp 3, nhiều câu chuyện kể chỉ có một tranh minh họa và gợi ý.
- + Đối với những câu chuyện có tranh minh họa cho từng đoạn, mỗi HS lớp 3 cần có khả năng trả lời toàn bộ các CH dưới tranh.
- HS kể chuyện theo tranh hoặc gợi ý
- + Đối với những câu chuyện có tranh minh họa từng đoạn, HS kể chuyện theo tranh bất kì; tự kể toàn bộ câu chuyện (GV có thể tổ chức trò chơi bốc thăm hoặc *Ô cửa bí mật*).
- + Đối với những câu chuyện có 1 tranh minh họa và CH gợi ý, HS kể chuyện theo CH gợi ý; tự kể toàn bộ câu chuyện (GV có thể tổ chức trò chơi bốc thăm hoặc *Ô cửa bí mật*).
- + Đối với các lớp có trình độ khá, GV có thể tổ chức cho HS kể chuyện phân vai, trong đó GV (hoặc 1 HS giỏi) vào vai người dẫn chuyện.
- HS tìm hiểu ý nghĩa, lời khuyên bổ ích của câu chuyện, nói điều các em hiểu qua câu chuyện, với sự giúp đỡ của thầy cô.
- GV đánh giá theo hướng động viên kết quả tốt hoặc sự tiến bộ của HS.

4.3. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học, dặn HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện mới học và nghe người thân kể những chuyện tương tự.

5. Quy trình tổ chức các hoạt động khác

Việc tổ chức các hoạt động khác (kể lại hoặc phân vai đọc lại câu chuyện đã học; kể lại hoặc đọc lại câu chuyện, bài thơ, bài văn đã đọc ở nhà; quan sát và nói theo đề tài; nói theo đề tài cho trước hoặc tự chọn) được thực hiện theo các bước sau:

5.1. Giao nhiệm vụ cho học sinh

- GV mời 1, 2 HS đọc nhiệm vụ ở BT.
- GV mời 1, 2 HS làm mẫu một phần BT, nếu cần.

5.2. Tổ chức cho học sinh làm việc

- HS làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ.
- GV theo dõi, hướng dẫn HS làm BT; giải đáp thắc mắc cho HS, nếu cần.

5.3. Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả

- GV mời HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng nhiều hình thức khác nhau.
- GV mời HS trong lớp nêu nhận xét (nên hướng dẫn các em tìm ra những điểm tốt trong bài của bạn).

5.4. **Củng cố, dặn dò**

GV khen ngợi những HS đã thực hiện tốt; dặn HS chia sẻ với người thân về câu chuyện, BT mà các em đã kể hoặc đã nghe, đã làm.

IV. TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Thời lượng: sau mỗi bài học, HS thực hiện ở nhà theo hướng dẫn trong SGK.

2. Mục tiêu: rèn luyện kỹ năng tự đánh giá để tự điều chỉnh hoạt động học tập.

3. Cấu trúc

3.1. Tên hoạt động: Tự đánh giá.

3.2. Các hoạt động

– Tổng kết những điều đã biết sau 1 bài học (1 chủ điểm).

– Tổng kết những điều đã làm được sau 1 bài học (1 chủ điểm).

4. Việc tổ chức hoạt động tự đánh giá

– GV giao nhiệm vụ cho HS sau mỗi bài học, tự đánh giá ở nhà.

– GV thường xuyên kiểm tra hoạt động tự đánh giá của HS qua *Vở bài tập Tiếng Việt 3* hoặc phiếu học tập.

V. ÔN TẬP

1. Thời lượng: 7 tiết/bài (bố trí vào các tuần 9, 18, 27 và 35).

2. Mục tiêu: Ôn tập, đánh giá.

3. Cấu trúc

3.1. Tên bài: *Ôn tập giữa (cuối) học kì, Ôn tập cuối năm.*

3.2. Các hoạt động

– Đánh giá kỹ năng đọc thành tiếng và học thuộc lòng (HTL): Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; mỗi tiết học đánh giá khoảng 20% số HS trong lớp.

– Luyện tập đọc hiểu và viết: Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; HS đọc hiểu một số văn bản và làm BT để chuẩn bị cho bài đánh giá các kỹ năng đọc hiểu và viết.

– Luyện tập nói và nghe: Thực hiện từ tiết 1 đến tiết 5; HS nghe và kể lại một mẫu chuyện để củng cố các kỹ năng nói và nghe.

– Đánh giá các kỹ năng đọc hiểu và viết: Thực hiện trong các tiết 6, 7. Bài luyện tập trong SGK là gợi ý để HS luyện tập và GV ra đề phù hợp với hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

+ Đánh giá kỹ năng đọc hiểu:

- Văn bản đọc hiểu (có độ dài tương tự độ dài của văn bản trong SGK).
- Các CH, BT: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận.

+ Đánh giá kỹ năng viết: viết đoạn văn theo đề tài phù hợp với các chủ điểm đã học.

4. Cách hướng dẫn ôn tập

– Các dạng BT trong phần này là bài tập đọc; BT về từ, câu; BT viết đoạn văn; BT chính tả (điền chữ, điền vần, điền tiếng và nghe – viết); BT nghe – kể.

– Với các bài tập đọc, GV thực hiện theo quy trình dạy đọc hiểu và luyện tập ở bài tập đọc. Với các BT viết đoạn văn, GV cần hướng dẫn để HS nắm được yêu cầu, cách viết; sau đó để HS tự viết và báo cáo kết quả. Với các BT chính tả, BT nghe – kể, GV thực hiện theo quy trình dạy bài chính tả, bài nghe – kể.

Phần thứ ba

MỘT SỐ GIÁO ÁN THAM KHẢO

BÀI 3: NIỀM VUI CỦA EM

CHIA SẺ VỀ CHỦ ĐIỂM

(10 phút)

1. Học sinh quan sát tranh, trả lời câu hỏi

– GV mời 2 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ YC của BT 1 và 2 (*Chia sẻ*); giao nhiệm vụ cho cả lớp: Quan sát các bức tranh con vật, đồ vật trong nhà, thảo luận nhóm đôi, trả lời các CH. GV theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.

– GV tổ chức cho vài nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung.

– 1 HS (chỉ hình) báo cáo. Có thể 1 HS nêu CH cho các bạn trả lời:

(1) HS 1: Ở lớp 2, chúng ta đã học chủ điểm *Bạn trong nhà*. Bạn hãy nhắc lại tên và nói một vài điều về những người bạn ấy. HS 2: Những người bạn trong nhà của trẻ em có thể là con mèo, con chó, con gà, con vịt, con ngan,... Bạn của tôi là một con vẹt mỏ đỏ, lông xanh biếc. Nó hót rất hay và biết gọi tên tôi: *Quang!*, *Quang ơi!*,... Tôi rất yêu nó. (Đổi vai: HS 2 hỏi – HS 1 đáp).

(2) HS 2: Trong nhà, bạn còn nhiều người bạn khác. Hằng ngày, bạn vẫn trò chuyện, vui chơi, làm việc với các bạn ấy. Đó là những bạn nào? HS 1: Đó là các đồ chơi của tôi (búp bê, ô tô, rô bốt, chiếc điều,...), những đồ vật trong nhà (bàn ghế, giường, tủ, gương, nồi, xoong, chảo, đèn bàn,...).

2. Giáo viên nói lời dẫn để giới thiệu chủ điểm và bài đọc mở đầu chủ điểm: Ở lớp 2, các em đã học về chủ điểm *Bạn trong nhà* và biết vật nuôi chính là bạn thân thiết của trẻ em, đem lại cho các em rất nhiều niềm vui. Hôm nay, chúng ta học chủ điểm *Niềm vui của em* và tìm hiểu thêm ngoài vật nuôi, trẻ em còn được nhận niềm vui từ những “bạn” đặc biệt nào nữa nhé!

BÀI ĐỌC 1

CON HEO ĐẤT

(60 phút)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS dễ viết sai, VD: rô bốt, tiền lẻ, mát lạnh, lưng nó,... (MB); rô bốt, tiền lẻ, mỉm cười, đập vỡ,... (MT, MN). Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa.

– Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (con heo đất, rô bốt, thẩm thoát, năn nỉ,...). Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Tình cảm thân thiết, gắn bó giữa bạn nhỏ và con heo đất.

– Tìm được từ ngữ chỉ các bộ phận cơ thể của con heo đất có trong bài. Mở rộng vốn từ: tìm được các từ ngữ ở ngoài bài chỉ bộ phận cơ thể con vật; các từ ngữ chỉ đặc điểm, chỉ hoạt động của những bộ phận cơ thể đó (để chuẩn bị cho việc viết đoạn văn tả đồ vật).

1.2. Phát triển năng lực văn học

– Nhận diện được bài văn xuôi kể chuyện.

– Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất: NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm). NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: tìm từ ngữ chỉ bộ phận cơ thể con vật, từ ngữ chỉ đặc điểm, hoạt động...). Góp phần bồi dưỡng nếp sống tiết kiệm tiền bạc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Máy tính, máy chiếu.

– Vở bài tập Tiếng Việt 3.

– Gấu giấy (các màu khác nhau), số lượng các gấu màu bằng nhau và đủ phát cho mỗi HS một con gấu.

– Giấy khổ A0, số lượng đủ phát cho mỗi tổ 1 tờ (để dán gấu giấy lên đó).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

– PPDH chính: tổ chức HĐ.

– Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ nhóm, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ: *Con đã lớn thật rồi!*

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: GV mở băng bài hát *Con heo đất* (nhạc và lời: Ngọc Lễ) cho HS nghe. (Giải nghĩa từ: *heo* là lợn.). Cả lớp hát theo.

Bài đọc hôm nay kể câu chuyện về con heo đất được một bạn nhỏ nuôi để giữ tiền tiết kiệm. Các em hãy lắng nghe để biết nội dung câu chuyện thế nào nhé!

2. HĐ 1: Đọc thành tiếng

GV tổ chức cho HS luyện đọc như đã hướng dẫn ở các bài học trước.

3. HĐ 2: Đọc hiểu

- GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ 4 CH trong SGK.
- GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm, trả lời CH bằng trò chơi *Mảnh ghép*.
- Tổ chức cho HS thực hiện trò chơi (GV nói tên trò chơi là *Mảnh ghép* để từ sau bài đọc này, mỗi khi GV nói tên trò chơi, HS thực hiện được ngay).

+ GV phát cho mỗi tổ (hoặc nhóm lớn) – gọi là nhóm *ghép* – một xấp gấu giấy có đủ 4 màu xanh, đỏ, nâu, vàng.

+ Bố trí vị trí thảo luận cho 4 nhóm mới – gọi là nhóm *chuyên* (Gấu đen, Gấu đỏ, Gấu nâu, Gấu vàng). Chỉ định nhóm trưởng của mỗi nhóm *chuyên*. Mỗi nhóm *chuyên* thảo luận, thống nhất cách trả lời 1 CH đọc hiểu (chiếu lên màn hình: Gấu đen – CH1; Gấu đỏ – CH2; Gấu nâu – CH3, Gấu vàng – CH4). Mỗi HS viết câu trả lời lên con gấu của mình.

+ HS trở về nhóm *ghép*. Các nhóm *ghép* thảo luận, thống nhất cách trả lời 4 CH. Dán các gấu giấy đã viết câu trả lời thống nhất lên một tờ giấy A0.

– Báo cáo kết quả thảo luận nhóm:

GV hoặc MC mời các nhóm trả lời CH và bổ sung cho nhóm bạn, nếu có ý kiến.

(1) Bạn nhỏ mong bố mua cho đồ chơi gì? (Bạn nhỏ mong bố mua cho một con rô bốt.)

(2) Bố mẹ hướng dẫn bạn nhỏ làm cách nào để mua được món đồ chơi đó? (Bố mẹ của bạn hướng dẫn bạn dành dụm/tiết kiệm tiền bằng cách gửi vào con heo đất.).

(3) Bạn nhỏ dành dụm tiền như thế nào? (Mỗi lần bố mẹ cho tiền ăn quà, mua sách, có chút tiền lẻ thừa ra, bạn lại gửi heo giữ giúp. Tết, tiền được mừng tuổi cũng dành cho heo.)

(4) Vì sao cuối cùng bạn nhỏ không muốn đập vỡ con heo đất? (Vì bạn yêu quý con heo đất. Bạn thấy con heo dễ thương. / Vì bạn yêu thương con heo đất; không nỡ đập vỡ người bạn của mình. / Vì bạn không cần rô bốt nữa; không muốn đổi heo đất lấy rô bốt.)

– GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? HS phát biểu. GV nêu ý kiến: Câu chuyện kể về tình cảm gắn bó giữa bạn nhỏ với một đồ vật là con heo đất dễ thương. Con heo đất giúp bạn giữ tiền tiết kiệm.

4. HĐ 3: Luyện tập

4.1. Tìm từ ngữ chỉ các bộ phận của con heo đất (BT 1)

– HS đọc YC của BT 1. Đọc thầm truyện, tìm từ chỉ bộ phận của heo đất.

– HS phát biểu ý kiến. Đáp án:

+ Những từ có trong truyện chỉ các bộ phận của con heo đất: *lưng, bụng, mũi* (HS cũng có thể thêm: *khe*, GV có thể chấp nhận đây là một bộ phận của con heo đất, nhưng cũng có thể giải thích: cái khe này nằm trên lưng con heo đất, là bộ phận đã được nói đến rồi).

+ Đó là các từ chỉ sự vật, trả lời cho CH: *Cái gì?*

4.2. Tìm từ ngữ chỉ các bộ phận của những đồ vật đựng tiền tiết kiệm... (BT 2)

– 1 HS đọc YC của BT 2. Cả lớp lắng nghe, quan sát hình minh hoạ.

– GV có thể cho HS làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm đôi: nói tên các bộ phận của những đồ vật đựng tiền tiết kiệm trong SGK.

– HS làm bài trong *VBT Tiếng Việt 3*, báo cáo kết quả. Đáp án:

a) Từ chỉ bộ phận của vật đựng tiền tiết kiệm hình ngôi nhà: *mái, cửa, tường, tranh tường, khe bỏ tiền* (khá dài, được xẻ trên mái nhà).

b) Từ chỉ bộ phận của gấu trúc, của chó tiết kiệm: *đầu, tai, mắt, miệng, mũi, cổ, lưng, bụng, chân, đuôi, khe bỏ tiền* (trên lưng).

– Các từ chỉ bộ phận của đồ vật nói trên trả lời CH *Cái gì?*

5. Củng cố, dặn dò

– GV mời vài nhóm phân vai đọc lại truyện (mỗi nhóm 4 vai: người dẫn chuyện, người cha, người mẹ và bạn nhỏ). Cũng có thể tổ chức trò chơi *Ô cửa bí mật* để tăng tính hấp dẫn của phần Luyện đọc lại: Một vài HS (cá nhân / bàn / tổ) mở lần lượt các ô cửa và thực hiện yêu cầu ghi ở từng ô cửa đọc lại đoạn 1 / 2 / 3 hoặc 4. Khi các ô cửa được mở hết, hiện ra hình ảnh minh hoạ bài đọc hoặc hình các đồ vật để tiền tiết kiệm.

– Cả lớp và GV bình chọn cá nhân / bàn / tổ đọc hay (đọc đúng, biểu cảm).

– GV nhận xét giờ học, khen ngợi, biểu dương những HS học tốt.

– Nhắc HS đọc trước nội dung tiết Trao đổi – kể chuyện *Em tiết kiệm* để có thể kể trước lớp: Các em đã thực hành tiết kiệm như thế nào (tiết kiệm tiền, tiết kiệm điện, nước, tiết kiệm trong ăn uống, tiết kiệm khi đi mua sắm đồ đạc,...)?

BÀI VIẾT 3 CHÍNH TẢ

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

- Nghe – viết đúng chính tả bài thơ *Em lớn lên rồi*. Trình bày đúng bài thơ lục bát.
- Đọc đúng tên chữ và viết đúng 9 chữ (từ *g* đến *m*) vào vở. Thuộc lòng tên 9 chữ mới trong bảng chữ và tên chữ.
- Làm đúng BT (trò chơi *Tìm đường*): Điền chữ **s / x** hoặc **n / ng**.

1.2. Phát triển năng lực văn học: Cảm nhận được cái hay, cái đẹp của những câu thơ trong các BT chính tả.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất: NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: nghe – viết, chọn BT chính tả phù hợp với yêu cầu khắc phục lỗi của bản thân, biết sửa lỗi chính tả,...). Góp phần bồi dưỡng ý thức về bản thân và tình yêu thiên nhiên qua nội dung các BT chính tả.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vở *Luyện viết 3*, tập một.
- Bảng phụ/giấy khổ to viết sẵn bảng chữ và tên chữ ở BT 3.
- Màn hình và máy chiếu để chiếu lên bảng sơ đồ trò chơi tìm đường đến kho báu hoặc về hang gấu (BT 3 a và b).
- 2 phiếu viết sơ đồ trò chơi (3a hoặc 3b).

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. KIỂM TRA BÀI CŨ

- GV mời 2 HS đọc thuộc lòng 10 chữ từ *a* đến *ê* (*a, ă, â, b, c, ch, d, đ, e, ê*).
- GV đọc, HS viết vào bảng con một số chữ có tên khác với âm (*bê, xê, xê hát, dê, đê*).

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: GV nêu YCCĐ của bài học.

2. HĐ 1: Nghe – viết (BT 1)

2.1. Chuẩn bị

- GV nêu nhiệm vụ và đọc mẫu bài thơ *Em lớn lên rồi*.

- Cả lớp đọc bài thơ, viết nháp những từ ngữ các em dễ viết sai chính tả.
- GV hướng dẫn cách trình bày bài thơ lục bát: Bài chính tả có 4 cặp câu, cứ 1 câu 6 tiếng (câu lục) lại có 1 câu 8 tiếng (câu bát). Câu lục bắt đầu viết từ ô thứ 3 so với lề vở. Câu bát bắt đầu viết từ ô thứ 2. Tên bài thơ chỉ có 4 tiếng, viết từ ô thứ 4. Chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa.

2.2. Viết bài

GV đọc cho HS viết. Có thể đọc từng câu thơ (lục, bát) hoặc từng cụm từ. Mỗi câu thơ (cụm từ) đọc 3 lần.

2.3. Sửa bài: HS tự sửa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả). GV chữa 5 – 7 bài. Có thể chiếu bài của HS lên bảng lớp để cả lớp quan sát, nhận xét bài về các mặt: nội dung, chữ viết, cách trình bày.

3. HĐ2: Ôn bảng chữ cái (BT 2)

– GV treo bảng phụ đã viết bảng chữ và tên chữ, nêu YC: Tìm chữ, tên chữ và viết vào vở *Luyện viết* 9 chữ và tên chữ.

– GV chỉ cột 9 tên chữ, hướng dẫn cả lớp đọc các tên chữ đã viết sẵn trong bảng: *g (giê), gh (giê hát), gi (giê i), i (i), k (ca), kh (ca hát), l (e-lờ), m (em-mờ)*. GV chú ý không đọc *g* là *gờ*, *gh* là *gờ hát*, *l* là *lờ* như ở lớp 1, vì đó không phải là tên chữ, chỉ là tên gọi tạm thời phù hợp với trình độ lớp 1.

- 1, 2 HS đọc lại.
- HS cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết* 3. 1 HS làm bài trên tờ phiếu khổ to.
- HS làm bài trên phiếu báo cáo kết quả.
- GV chốt lại đáp án đúng. Cả lớp sửa bài theo đáp án đúng.

Số thứ tự	Chữ	Tên chữ
1	g	giê
2	gh	giê hát
3	gi	giê i
4	h	hát
5	i	i
6	k	ca
7	kh	ca hát
8	l	e-lờ
9	m	em-mờ

- Cả lớp đọc thuộc lòng bảng chữ cái và chữ ghép tại lớp. Có thể làm theo cách sau:

- + GV xoá (che) hết tên chữ đã viết ở cột 3, yêu cầu HS nhìn cột 2 đọc tên chữ.
- + GV xoá (che) hết chữ ở cột 2, yêu cầu HS nhìn cột 3, viết lại một số chữ.
- + GV xoá hết bảng, cả lớp HS đọc thuộc lòng 9 chữ và tên chữ.

4. HD 3: Chọn chữ phù hợp với ô trống (BT 3)

GV nêu YC của BT, chọn cho HS làm BT 2a hay 2b tùy theo phương ngữ của các em (VD, phần lớn HS trong lớp nói tiếng Nam sẽ làm BT 2b; một số HS trong lớp nói tiếng Bắc sẽ làm BT 2a).

– 1 HS đọc YC của BT.

– GV nhắc HS lưu ý:

+ Với BT 3a: Đường đến kho báu được đánh dấu bằng các tiếng bắt đầu bằng **s**. Các em phải hoàn thành các từ bằng cách điền **s** hoặc **x** phù hợp với ô trống. Sau đó, dùng bút màu nối các tiếng bắt đầu bằng **s** thì sẽ tìm ra con đường đến kho báu.

+ Với BT 3b: Đường đến hang gấu được đánh dấu bằng các tiếng có **n** đứng cuối. Các em phải hoàn thành các từ bằng cách điền **n** hay **ng** phù hợp với ô trống. Sau đó, dùng bút màu nối các tiếng có **n** đứng cuối thì sẽ tìm ra con đường đến hang gấu.

– Cả lớp làm bài vào vở *Luyện viết 3*. GV mời 2 HS làm bài trên Phiếu đã vẽ sơ đồ BT 3a hoặc 3b, đọc kết quả và tô màu đường đi. Bạn nào hoàn thành BT đúng và nhanh là bạn đó thắng. Cũng có thể chọn cách chơi tiếp sức: GV gắn lên bảng sơ đồ đường đến kho báu/đến hang gấu; mời 2 nhóm (mỗi nhóm 4 HS) lên bảng tiếp nối nhau hoàn thành BT. HS cuối cùng đọc kết quả của cả nhóm và nối con đường đến đích. Cả lớp và GV bình chọn nhóm thắng trong cuộc thi (tìm đúng, nhanh đường đến kho báu/hang gấu).

– Đáp án:

+ BT 3a: *hoa sủng, cái xô, chim sáo, đĩa xôi, quả xoài, mầm xanh, dòng sông, quả sim*. Đường đến kho báu phải đi qua các địa điểm: *hoa sủng – chim sáo – dòng sông – quả sim*.

+ Đáp án BT 3b: *hoa lan, cái thang, ngọn đèn, cái bàn, măng cụt, con kiến, cái xẻng, lá bàng*. Đường đến hang gấu phải qua các địa điểm: *hoa lan – ngọn đèn – cái bàn – con kiến*.

– Cả lớp đọc lại đáp án; sửa bài theo đáp án đúng.

5. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét giờ học.

– Nhắc HS về nhà học thuộc lòng tên 19 chữ đã học.

LUYỆN NÓI VÀ NGHE

KỂ CHUYỆN: *CHỈ CẦN TÍCH TẮC ĐỀU ĐẶN*

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ

– Nghe cô (thầy) kể chuyện, nhớ nội dung câu chuyện. Dựa vào tranh minh hoạ và CH gợi ý, trả lời được các CH; kể lại được từng đoạn và toàn bộ câu chuyện; biết kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,... trong khi kể. Hiểu nội dung câu chuyện: Việc dù khó, dù nhiều, chỉ cần làm chăm chỉ, đều đặn thì sẽ làm được.

– Lắng nghe bạn kể, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.

– Biết trao đổi cùng các bạn về câu chuyện.

1.1. **Phát triển năng lực văn học:** Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

2. **Góp phần phát triển năng lực chung và phẩm chất:** Biết kể chuyện, biết trao đổi cùng các bạn một cách chủ động, tự nhiên, tự tin; nhìn vào mắt người cùng trò chuyện. Có ý thức chăm chỉ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Video câu chuyện *Chỉ cần tích tắc đều đặn* (SGK điện tử Cánh Diều).

– Tranh minh hoạ truyện (tranh cỡ to hoặc tranh trong SGK) kèm các CH dưới tranh.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

– PPDH chính: tổ chức HĐ.

– Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập, HĐ nhóm (thảo luận nhóm), HĐ lớp.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Giới thiệu bài:** Trong tiết luyện nói hôm nay, các em sẽ nghe cô (thầy) kể (hoặc xem video) về một câu chuyện có tên là *Chỉ cần tích tắc đều đặn*. Chuyện nói về nỗi lo lắng và thành công của chiếc đồng hồ mới. Các em xem câu chuyện diễn biến thế nào nhé!

2. HĐ 1: Nghe và kể lại câu chuyện (BT 1)

2.1. Giới thiệu câu chuyện

– GV giới thiệu tranh minh hoạ 3 chiếc đồng hồ, trong đó có 1 chiếc mới (chiếc đồng hồ để bàn nhỏ, màu nâu) và 2 chiếc cũ (1 chiếc treo tường, 1 chiếc để bàn to, màu xanh).

– GV viết lên bảng từ ngữ khó, mời 1 HS đọc, sau đó cả lớp đọc: *32 triệu, tích tắc, pin.*

– Mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 1 và các CH dưới tranh.

– Cả lớp đọc thầm lại các CH.

2.2. Nghe – kể chuyện

– GV cho HS xem hình và nghe kể (GV kể hoặc xem video): giọng kể vui, thông thả.

– GV kể lần 1, dừng lại, YC cả lớp quan sát tranh, đọc thầm lại các CH gợi ý dưới tranh. Sau đó kể tiếp lần 2, lần 3.

Dưới đây là văn bản truyện:

Chỉ cần tích tắc đều đặn

1. Bà chủ mua về một chiếc đồng hồ mới, đặt nó cạnh 2 chiếc đồng hồ cũ.

Nó lo lắng hỏi:

– Làm việc có khó không, các anh?

2. Chiếc đồng hồ cũ thứ nhất bảo:

– Mỗi năm cậu sẽ phải chạy 32 triệu lần. Trông cậu yếu ớt thế, chỉ sợ cậu mệt bã người, rồi sẽ gục mất thôi.

Chiếc đồng hồ mới nghe thấy thế thì kêu lên:

– Ôi trời ơi! 32 triệu lần cơ à? Khó thế à?

3. Thấy chiếc đồng hồ mới lo lắng như vậy, chiếc đồng hồ cũ thứ hai bảo:

– Cậu bé, đừng lo lắng thế! Mỗi một giây, cậu chỉ cần “tích tắc” một cái là được.

– Mỗi một giây “tích tắc” một cái? Đơn giản thế thôi ư?

4. Nghe lời bạn, đồng hồ mới “tích tắc, tích tắc” nhẹ nhàng. Rồi một năm trôi qua, nó đã chạy được 32 triệu lần.

Theo sách *168 câu chuyện hay nhất*

2.3. Trả lời câu hỏi

– GV nêu từng CH cho HS trả lời (nhANH):

a) Chiếc đồng hồ mới hỏi hai chiếc đồng hồ cũ điều gì? (Làm việc có khó không?).

b) Chiếc đồng hồ thứ nhất nói gì? (Mỗi năm cậu phải chạy 32 triệu lần. Trông cậu yếu ớt thế, chỉ sợ cậu mệt bã người, rồi sẽ gục mất thôi.).

c) Chiếc đồng hồ mới lo lắng thế nào? (32 triệu lần cơ à? Khó thế à?).

d) Chiếc đồng hồ thứ hai nói gì? (Cậu đừng lo lắng thế! Mỗi một giây, cậu chỉ cần “tích tắc” một cái là được.).

e) Cuối cùng, đồng hồ mới đã hoàn thành công việc một năm như thế nào? (Chiếc đồng hồ mới “tích tắc, tích tắc” nhẹ nhàng. Một năm trôi qua, nó đã chạy được 32 triệu lần.).

2.4. Thi kể chuyện trước lớp

– Một vài HS tiếp nối nhau dựa vào tranh minh hoạ và CH thi kể lại mẩu chuyện trên. GV khuyến khích HS kể sinh động, biểu cảm, kết hợp lời kể với cử chỉ động tác.

– GV khen ngợi những HS nhớ câu chuyện, kể to rõ, tự tin, sinh động, biểu cảm.

3. HĐ 2: Trao đổi về câu chuyện (BT 2)

– 1 HS đọc YC của BT 2 và các gợi ý.

– HS làm việc độc lập, báo cáo kết quả:

a) Theo câu chuyện, mỗi năm chiếc đồng hồ phải chạy “tích tắc” bao nhiêu lần? (32 triệu lần – mỗi giây tích tắc 1 lần).

b) Để hoàn thành được công việc như vậy, chiếc đồng hồ cần làm gì? (Chỉ cần “tích tắc” đều đặn: làm việc một cách chăm chỉ).

c) Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? (Việc dù khó, dù nhiều, chỉ cần làm chăm chỉ, đều đặn thì sẽ làm được.).

– GV: Hôm trước, các em đã học bài văn *Nhớ lại buổi đầu đi học*. Tác giả là nhà văn Thanh Tịnh. Buổi đầu đến trường, ông cũng bỡ ngỡ, rụt rè như nhiều HS lớp 1. Chắc lúc đó ông không nghĩ là có ngày ông sẽ trở thành một nhà văn nổi tiếng. Nhưng ông đã làm được điều ấy. Đó là do ông đã học tập, lao động miệt mài trong hàng chục năm trời.

4. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học, khen ngợi những HS kể chuyện hay.

– Nhắc HS chuẩn bị trước nội dung cho bài kể chuyện *Con đã lớn thật rồi!*.

GÓC SÁNG TẠO

GHI CHÉP VIỆC HẰNG NGÀY

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển các năng lực đặc thù

1.1. Phát triển NL ngôn ngữ: HS bước đầu biết viết nhật kí ghi chép việc đáng nhớ mà các em đã làm trong ngày (ngày hôm nay hoặc ngày khác), đáp ứng yêu cầu của CT lớp 3 là kể chuyện được chứng kiến, tham gia. Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp. Có thể trang trí bài viết: tô màu, vẽ hoa lá,...

1.2. Phát triển NL văn học: Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất: Làm được một sản phẩm có tính sáng tạo có lời văn, để giới thiệu một việc đáng nhớ trong ngày.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Chuẩn bị của GV: Một số viên nam châm để gắn sản phẩm của HS lên bảng lớp.
- Chuẩn bị của HS: Sổ để ghi nhật kí, giấy màu, bút màu, bút dạ, kéo, hồ dán.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- PPDH chính: tổ chức HĐ.
- Hình thức dạy học chính: HĐ độc lập.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

A. TRẢ BÀI VIẾT 2

GV trả bài viết HS đã làm tuần trước: *Kể lại một cuộc trò chuyện*. Biểu dương HS có những câu văn, đoạn văn hay. Nêu những điều HS cần rút kinh nghiệm.

B. DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài: Trong giờ học hôm nay, các em sẽ tập ghi chép những việc đáng nhớ diễn ra hằng ngày và cảm nghĩ của em về các việc đó. Việc ghi chép này được gọi là viết nhật kí. (Hỏi HS: Có bạn nào trong lớp ta đã viết nhật kí?). Những cuốn nhật kí hay có thể tập hợp thành những câu chuyện hấp dẫn. VD: *Nhật kí đến trường của cô nhóc siêu quậy Lê Na* (Tác giả: Đơn Anh Kỳ. Người dịch: Ngọc Linh. NXB Văn học); *Nhật kí đi học của Hồ Tiểu Náo* (Tác giả Lạc Đa Đa. Người dịch: Vũ Thị Trang. NXB Dân Trí) là những cuốn nhật kí như thế.

Trong bài học này, mỗi em sẽ tập viết nhật kí, từ đó, hình thành thói quen viết nhật kí. Nhật kí giúp các em ghi lại những việc đáng nhớ hằng ngày, những cảm xúc, suy nghĩ của em. Khi cần, các em sẽ dựa vào nhật kí để viết đoạn văn kể chuyện được chứng kiến, tham gia. Hãy thử tưởng tượng một ngày nào đó khi lớn lên, các em sẽ được thấy lại hình ảnh, việc làm, suy nghĩ, cảm xúc của mình qua những trang nhật kí này, như vậy sẽ rất thú vị và có ý nghĩa. Chúng ta sẽ xem trong giờ học hôm nay, bạn nào có những dòng nhật kí hay, ấn tượng nhé.

2. HĐ 1: Đọc và trả lời câu hỏi (BT 1, thực hiện nhanh)

- GV mời 1 HS đọc *Nhật kí của Bống* các ngày thứ Hai và thứ Năm, đọc các CH.
- Cả lớp đọc thầm lại *Nhật kí của Bống*, trả lời các CH a, b:
a) Bống viết nhật kí để ghi lại các việc đáng nhớ trong ngày và cảm nghĩ của bạn ấy.

b) Ngày thứ Hai, bố báo tin vui: “Cuối tuần cả nhà sẽ đi tắm biển”. Bống rất vui vì sắp được nhảy sóng, được nằm trên phao, xây lâu đài cát. / Ngày thứ Năm, Bống chuẩn bị đồ bơi cho hai chị em; Bống tìm mãi mới thấy kính bơi của em Tuấn.

HD 2: Ghi lại một việc đáng nhớ em đã làm (BT 2)

– GV nêu YC của BT; hỏi HS đã đọc trước đề bài ở nhà và có sự chuẩn bị (sổ tay, nội dung viết) chưa?

– Mời 1 vài HS khá, giỏi làm mẫu: Em viết nhật kí về việc gì? (HS: Em viết nhật kí về một ngày vui nhất của em trong tháng này. / Em viết về một ngày em làm được nhiều việc nhà. / Em viết về một ngày em có chuyện không vui. / Em viết về một ngày leo núi thăm chùa Hương,...).

– HS để lên bàn những gì đã chuẩn bị: sổ tay, giấy màu, bút màu, kéo, hồ dán hoặc ảnh, tranh cắt dán, tranh HS tự vẽ (nếu có).

– GV nhắc HS: Các em có thể viết 6 đến 8 câu. Cũng có thể viết nhiều hơn 8 câu. Khuyến khích HS viết nhiều câu hơn là để không hạn chế khả năng của những HS khá, giỏi.

– HS viết nhật kí vào sổ tay hoặc vở. GV đến từng bàn, hướng dẫn và giúp đỡ HS: gợi ý cho HS, nếu các em chưa biết kể việc gì; nhắc HS đặt dấu chấm kết thúc câu; chỉ cho các em cách trang trí, tô màu,... Nắm tình hình viết của HS.

– Bí quyết để giờ học thành công: GV luôn động viên, khích lệ viết chân thực, không chê bai, để tất cả HS đều làm việc, mạnh dạn thể hiện mình. GV có thể sửa lời cho một số đoạn văn (sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, đặt câu), nhận xét về cách trang trí, trình bày.

4. HD 3: Giới thiệu và bình chọn

– Một vài HS tiếp nối nhau đọc nhật kí của mình. (GV có thể phóng to sản phẩm trên màn hình cho cả lớp dễ nhận xét).

– GV khen ngợi những HS hoàn thành tốt BT sáng tạo. Gắn sản phẩm được đánh giá cao lên vị trí trang trọng ở góc lớp suốt tuần. VD về một đoạn nhật kí:

5. Củng cố, dặn dò

– GV nhận xét tiết học, biểu dương HS.

– Thông báo về tiết GST tuần tới: *Chuyện của em*, viết về đôi tay (hoặc đôi chân, đôi mắt, những chiếc răng,...) và việc em chăm sóc chúng, giữ chúng luôn sạch đẹp.

CÁC TÀI LIỆU BỔ TRỢ, THAM KHẢO

1. Hệ thống các tài liệu tham khảo

Để hỗ trợ cho việc dạy và học Tiếng Việt lớp 3, bên cạnh SGK, các đơn vị làm bộ SGK *Tiếng Việt 3 Cánh Diều* cung cấp một số tài liệu như sau:

- 1) Sách giáo khoa điện tử
- 2) Sách giáo viên (SGV)
- 3) Các tài liệu tham khảo thiết yếu (tài liệu bổ trợ): *Vở bài tập Tiếng Việt 3, Luyện viết 3, Truyện đọc lớp 3*.
- 4) Các tài liệu tham khảo khác, gồm: *Bộ phiếu ôn luyện Tiếng Việt 3 cuối tuần, Vở thực hành Tiếng Việt 3 và Em luyện viết đúng viết đẹp – lớp 3, Vở luyện tập chính tả 3*.

2. Sách giáo khoa điện tử

SGK điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, trong đó nội dung giáo dục được thể hiện bằng các văn bản đa phương thức như: hình ảnh, đoạn âm thanh, video clip, các mô phỏng về thí nghiệm, từ điển số và những dạng bài tập tương tác có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài tập của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của mỗi người học.

Trong hoàn cảnh điều kiện tài chính của phần lớn các gia đình HS còn eo hẹp, bộ SGK điện tử *Cánh Diều* được truyền tải trên mạng Internet kèm theo SGK của từng môn học; giá SGK điện tử đã bao gồm trong giá SGK giấy, người mua không cần phải trả thêm.

Khác với chế bản điện tử của SGK đăng trên trang mạng của các nhà xuất bản hiện nay, SGK điện tử bộ sách *Cánh Diều* không chỉ hiển thị đầy đủ các trang sách mà còn có các video hoạt hình hoá nội dung; các bài tập sử dụng công nghệ thông tin tạo ra sự tương tác giữa sách với người học; lưu trữ thông tin về quá trình sử dụng SGK điện tử và kết quả làm bài tập của người học để hỗ trợ giáo viên, phụ huynh học sinh theo dõi quá trình học của mỗi học sinh và mỗi học sinh theo dõi quá trình học của bản thân mình.

Để truy cập và sử dụng SGK điện tử, người mua SGK *Tiếng Việt 3* cần cào lớp nhũ ở góc dưới bên trái trang bìa 4 của SGK giấy, nhận mã bảo mật QR. Sau khi có mã QR, người mua sách sử dụng mã này để truy cập nội dung sách thông qua website *hoc10.vn*.

Trong tương lai, SGK điện tử có thể được định dạng trong một máy tính bảng gọn nhẹ, bao gồm toàn bộ SGK các môn học của một cấp học hoặc của nhiều cấp học; nhờ vậy, học sinh không phải mua SGK mới hằng năm. Việc sử dụng một cuốn SGK điện tử nhỏ gọn cũng tiện lợi hơn so với việc phải mang và sử dụng cùng lúc nhiều cuốn SGK giấy.

3. Sách giáo viên

SGV là tài liệu hướng dẫn GV dạy học. SGV *Tiếng Việt 3* gồm 2 phần:

a) Phần *Hướng dẫn chung*: giới thiệu và phân tích mục tiêu giáo dục, yêu cầu cần đạt của chương trình môn *Tiếng Việt* ở lớp 3; cấu trúc của SGK *Tiếng Việt 3*; cấu tạo và cách dạy các kiểu bài. Đây là những thông tin rất căn bản, vừa hướng dẫn GV dạy bộ SGK *Tiếng Việt 3*, vừa tạo cơ sở để GV phát triển lâu dài, cho nên anh chị em GV cần nghiên cứu kỹ để nắm vững và vận dụng trong dạy học.

b) Phần *Hướng dẫn cụ thể*, giới thiệu cách triển khai từng bài học trong sách *Tiếng Việt 3*. Đây là những phương án đã được cân nhắc kỹ để phù hợp với yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT năm 2018, quan điểm biên soạn SGK *Tiếng Việt 3* Cánh Diều và điều kiện dạy – học thông thường. Nhưng cán bộ quản lý, chỉ đạo và GV chỉ nên coi mỗi bài soạn trong SGV là một trong nhiều phương án có thể triển khai, là những gợi ý để GV vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với điều kiện dạy – học và đối tượng HS của mỗi lớp, mỗi trường, tránh vận dụng rập khuôn, máy móc trong dạy học hoặc đánh giá bài dạy.

4. Các tài liệu tham khảo thiết yếu

4.1. Vở bài tập Tiếng Việt 3

Cuốn vở này là đồ dùng học tập cần thiết, thay cho quyển vở ô li thông thường (vở trắng, chỉ có các đường kẻ dọc và ngang tạo thành các ô li), giúp HS tiết kiệm thời gian và tăng hiệu quả học tập.

Các bài tập trong vở là bài tập của SGK *Tiếng Việt 3* (trừ bài tập chính tả, tập viết là nội dung vở *Luyện viết 3*) được trình bày lại để HS không mất thời gian chép đề bài và làm bài nhanh hơn.

Trước khi làm bài, học sinh cần lắng nghe hướng dẫn của thầy cô và đọc kỹ mẫu hoặc ví dụ (có kí hiệu M) để hiểu và thực hiện đúng yêu cầu của bài tập.

Cuốn vở cũng tạo điều kiện thuận lợi cho thầy cô và các vị phụ huynh HS hướng dẫn HS luyện tập và theo dõi kết quả học tập của HS.

4.2. Luyện viết 3

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của HS ba lớp đầu cấp Tiểu học là tập viết các chữ cái viết thường, viết hoa và các từ ngữ, câu ứng dụng để viết đúng, viết đẹp, viết

nhanh. Đây là yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học để hoàn thiện kỹ năng viết chữ cho HS, đáp ứng yêu cầu trong học tập và đời sống, đồng thời rèn luyện các đức tính kiên nhẫn, cẩn thận, khả năng quan sát, tác phong làm việc chính xác, tỉ mỉ và óc thẩm mỹ, phù hợp với quan niệm truyền thống “Nét chữ là nét người” của dân tộc.

Thông thường, HS thực hành tập viết trên vở ô li. Vở *Luyện viết* cũng có các đường kẻ dọc và ngang tạo thành các ô li như một quyển vở thông thường, nhưng ở từng trang vở đều có:

- Mẫu chữ cần viết được phóng to, kèm theo các kí hiệu bằng số và mũi tên hướng dẫn điểm đặt bút và hướng đưa bút.
- Chữ, từ ngữ, câu ứng dụng cần viết.
- Dấu chấm mờ đánh dấu điểm bắt đầu viết từng chữ, tiếng, từ ngữ hoặc câu để giữ khoảng cách đều nhau giữa các chữ, bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ.

Trong vở *Luyện viết 3*, phần đánh dấu bằng kí hiệu ô vuông màu xanh là bài tập bắt buộc; phần đánh dấu bằng kí hiệu hình tròn màu xanh là bài tập HS làm thêm nếu có thời gian và nguyện vọng.

Cũng như khi làm các bài tập khác, trước khi làm bài tập viết, học sinh cần lắng nghe hướng dẫn của thầy cô và đọc kĩ mẫu hoặc ví dụ (có kí hiệu M) để hiểu và thực hiện đúng yêu cầu của bài tập.

Vở *Luyện viết 3* tập một và tập hai đều được làm bằng loại giấy chống nhoè.

4.3. Truyện đọc lớp 3

Truyện đọc lớp 3 gồm trên 60 truyện kể để đọc ngoài giờ lên lớp, vừa giúp HS phát triển kỹ năng đọc và xây dựng thói quen đọc sách, vừa đáp ứng nhu cầu giải trí, tăng cường hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm của các em.

Các truyện trong *Truyện đọc lớp 3* được tuyển chọn và sắp xếp theo đúng các chủ điểm học tập của SGK *Tiếng Việt 3*, nhờ đó, HS có thể dễ dàng tìm truyện đọc phù hợp với yêu cầu của các tiết *Tự đọc sách báo*.

5. Các tài liệu tham khảo

5.1. Bộ phiếu ôn luyện cuối tuần

Bộ phiếu ôn luyện Tiếng Việt 3 cuối tuần gồm 35 phiếu, chia thành 2 tập, giúp HS ôn tập và tự đánh giá về các kỹ năng đọc và viết. Mỗi phiếu ôn luyện ứng với nội dung một tuần học, có các bài luyện đọc và luyện viết với nhiều hình thức bài tập, trò chơi nhẹ nhàng, lí thú và bổ ích.

Qua từng tuần ôn luyện, với sự hỗ trợ của phụ huynh và giáo viên, học sinh sẽ nắm chắc bài học, tự đánh giá được kỹ năng sau từng giai đoạn học tập (giữa học kì, cuối học

kì và cuối năm học), sử dụng tiếng Việt ngày càng thành thạo hơn, đồng thời được bồi dưỡng về các phẩm chất tốt đẹp, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện.

5.2. *Vở Thực hành Tiếng Việt 3*

Vở Thực hành Tiếng Việt 3 được cấu trúc theo bài tương ứng với các bài trong SGK *Tiếng Việt 3* (trừ bài Kể chuyện, vì đã có sách riêng). *Vở* mang tính “thực hành vận dụng”, góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS (tập trung phát triển 2 kĩ năng đọc, viết).

Các bài tập trong *vở Thực hành Tiếng Việt 3* không lặp lại bài tập trong SGK và *Vở bài tập Tiếng Việt 3*. Các bài tập vừa sức HS, rất đa dạng và thú vị, cuốn hút HS vào việc học. Với *vở Thực hành Tiếng Việt 3*, vốn từ của HS được làm giàu, kĩ năng đọc và viết của các em phát triển dần theo quá trình thực hành.

5.3. *Vở Em luyện viết đúng viết đẹp – lớp 3*

Vở Em luyện viết đúng viết đẹp – lớp 3 được biên soạn theo nội dung tập viết và chính tả của SGK *Tiếng Việt 3*, với ngữ liệu mới và yêu cầu cao hơn *vở Luyện viết 3*, đáp ứng nhu cầu rèn luyện của HS khá, giỏi.

5.4. *Vở luyện tập chính tả 3*

Vở Luyện tập chính tả 3 giúp các em viết đúng và rèn chính tả tiếng Việt. Các bài tập trong *vở* đáp ứng yêu cầu luyện tập kĩ năng chính tả theo từng tuần học của SGK *Tiếng Việt 3*. Sau bài tập chép, các em được thực hành luyện tập chính tả qua các dạng bài tập phong phú, hấp dẫn, nhằm phát triển năng lực viết đúng chính tả tiếng Việt và học tốt môn *Tiếng Việt*.

**Quý Thầy Cô có thể trao đổi kinh nghiệm dạy học và nhận mọi giải đáp về SGK Tiếng Việt (bộ sách Cánh Diều) khi tham gia facebook
NHÓM GIÁO VIÊN CÁNH DIỀU – TIỂU HỌC**